TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 3 - 2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 815/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, Sinh năm 1992; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đàm Thanh T, Sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Bxã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của chị S trình bày: chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 5 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu ngày 16-10-2015, sau khi cưới vợ chồng đi làm thuê cho các quán ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh, khoảng 07 đến 15 ngày về nhà cha mẹ chị S một lần. Sau khi S con chị S không đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nữa mà đến cửa khẩu Mộc Bài thuộc huyện

Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để đổi tiền, anh T tiếp tục đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 5 năm 2018 chị S đi dự S nhật và chụp ảnh với người đàn ông khác đưa lên mạng xã hội, sau mỗi lần uống rượu điện thoại, nhắn tin chửi và đe dọa nhiều lần nên chị S và anh T ly thân nhau từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình hòa giải bị đơn anh Đàm Thanh T trình bày phù hợp với lời trình bày của chị S, nhưng cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị S yêu cầu ly hôn anh không đồng ý và yêu cầu đoàn tụ; nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị S tiếp tục nuôi.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và chị S thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Riêng anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: chị S và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống đến tháng 5 năm 2018 anh T ghen tuông, gây gỗ, đe dọa chị S nhiều lần trong thời gian dài đến tháng 10 năm 2018 ly thân cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho chị S và anh T ly hôn.

Về con chung: cháu Đàm Thanh Phúc, S ngày 17-12-2015, trong quá trình giải quyết vụ án chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi, còn anh T trình bày nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý giao con cho chị S nuôi. Xét thấy, từ khi chị S và anh T ly thân cho đến nay, cháu Phúc được chị S quan T chăm và phát triển bình thường về mọi mặt, đề nghị giao cho chị S tiếp tục nuôi. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đàm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không lý do, cho nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị S và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật thừa nhận hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2018, chị S đi dự S nhật và chụp ảnh chung với người đàn ông khác nên anh T nghi ngờ chị S sống không chung thủy,

sau mỗi lần uống rượu về kiếm chuyện chửi, gây gỗ, đe dọa chị S nhiều lần trong thời gian dài đến tháng 10 năm 2018 ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay mạnh ai nấy sống không ai quan T đến ai. Như vậy có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho chị S và anh T ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị S và anh T thừa nhận có một người con chung là cháu Đàm Thanh Phúc, S ngày 17-12-2015 đang sống chung với chị S. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, cháu Phúc được chị S quan T nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học và phát triển bình thường về mọi mặt, chị S có việc làm gần nhà và có thu nhập ổn định, đủ khả năng và điều kiện để tiếp tục nuôi con; Còn anh T đi làm ở xa, công việc không ổn định. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát giao cháu Phúc cho chị S tiếp tục nuôi là có căn cứ theo Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị S không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội về án phí, lệ phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị S ly hôn với anh Đàm Thanh T.

2. Về con chung: cháu Đàm Thanh Phúc, S ngày 17-12-2015 giao cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đàm Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; cấp dưỡng nuôi con chị S không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí : chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị S đã nộp 300.000

theo biên lai thu số 0008396 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (chị S đã nộp xong).

5. Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được t hực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Nguyễn Thị S, anh Đàm Thanh T vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKý kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng